

Số: *13* /PGDDĐT-TCCB

Thuận An, ngày *16* tháng *01* năm *2023*

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch
biên chế năm học 2023-2024

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường công lập trực thuộc.

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Công văn số 2837/SGDDĐT-TCCB ngày 18/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc rà soát, chuẩn bị số liệu thực hiện xây dựng kế hoạch biên chế năm học mới;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch biên chế năm học 2023-2024 đối với các đơn vị sự nghiệp GDĐT trong thành phố Thuận An như sau:

I. ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ

1. Định mức số lượng người làm việc trong trường đối với giáo dục mầm non

1.1 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng:

Mỗi trường có 01 Hiệu trưởng

b) Phó Hiệu trưởng:

Trường mầm non có dưới 09 nhóm, lớp được bố trí 01 Phó Hiệu trưởng.

Trường mầm non có 09 nhóm, lớp trở lên được bố trí 02 Phó Hiệu trưởng.

1.2. Giáo viên

Những nơi bố trí đủ số trẻ tối đa theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo theo quy định tại Điều 3 của Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV thì định mức giáo viên mầm non được xác định như sau:

- Đối với nhóm trẻ: Bố trí tối đa 2,5 giáo viên/nhóm trẻ.

- Đối với lớp mẫu giáo học 02 buổi/ngày: Bố trí tối đa **2,2 giáo viên/lớp**.

- Đối với lớp mẫu giáo học 01 buổi/ngày: Bố trí tối đa **1,2 giáo viên/lớp**.

1.3. Nhân viên: Văn thư, thủ quỹ, kế toán, y tế trường

Trường mầm non xác định số lượng người làm việc tối đa **không vượt quá 02 người** để thực hiện nhiệm vụ về **kế toán, văn thư, y tế, thủ quỹ**.

1.4. Nhân viên Nấu ăn (cấp dưỡng):

Trường mầm non có tổ chức bán trú thì được hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ nấu ăn như sau: **Cứ 35 trẻ nhà trẻ hoặc 50 trẻ mẫu giáo thì được ký 01 lao động hợp đồng để bố trí vào vị trí nấu ăn.**

2. Định mức số lượng người làm việc trường đối với cấp tiểu học

2.1. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

a) Hiệu trưởng:

Mỗi trường có 01 Hiệu trưởng

b) Phó hiệu trưởng:

Trường có từ 28 lớp trở lên được bố trí **02 Phó Hiệu trưởng**.

Trường có từ 27 lớp trở xuống được bố trí **01 Phó Hiệu trưởng**.

2. Giáo viên

Trường dạy học **01 buổi trong ngày** được bố trí tối đa **1,20 giáo viên trên một lớp**.

Trường dạy học **02 buổi trong ngày** được bố trí tối đa **1,50 giáo viên trên một lớp**.

Ngoài định mức quy định trên, mỗi trường được bố trí **01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội** Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

(Định mức biên chế thực hiện theo Phụ lục A đính kèm theo biểu mẫu)

Tùy tình hình thực tế, các đơn vị tự tính toán biên chế các bộ môn sao cho phù hợp, đảm bảo theo định mức cho phép.

2.3. Nhân viên: Thư viện, thiết bị, công nghệ thông tin

- Trường có từ **28 lớp trở lên** được bố trí tối đa **02 người**.

- Trường có từ **27 lớp trở xuống** được bố trí tối đa **01 người**.

2.4. Nhân viên: Văn thư, kế toán, y tế và thủ quỹ

- Trường có từ **28 lớp trở lên** được bố trí tối đa **03 người**.

- Trường có từ **27 lớp trở xuống** được bố trí tối đa **02 người**.

3. Định mức số lượng người làm việc trong trường đối với cấp THCS

3.1. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

a) Hiệu trưởng: Mỗi trường có 01 Hiệu trưởng

ĐẠI
GIÁ
ĐẠI
AN

b) Phó Hiệu trưởng:

Trường có từ 28 lớp trở lên được bố trí **02 phó hiệu trưởng**.

Trường có từ 27 lớp trở xuống được bố trí **01 phó hiệu trưởng**.

3.2. Giáo viên

Mỗi trường được bố trí tối đa 1,90 giáo viên trên một lớp.

Ngoài định mức quy định trên, mỗi trường được bố trí 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

(Định mức biên chế giáo viên thực hiện theo Phụ lục B)

3.3. Nhân viên: Thư viện, thiết bị, thí nghiệm, công nghệ thông tin

Trường có từ **28 lớp trở lên** được bố trí tối đa **03 người**.

Trường có từ **27 lớp trở xuống** được bố trí tối đa **02 người**.

3.4. Nhân viên: Văn thư, kế toán, y tế và thủ quỹ

Mỗi trường được bố trí 03 người, trường có từ 40 lớp trở lên được bố trí thêm 01 người.

4. Lao động hợp đồng theo nghị định số 68/2000/NĐ-CP

4.1. Đối với các đơn vị đã được thành lập trước đây:

Giữ nguyên số lượng các chức danh lao động hợp đồng theo nghị định số 68/2000/NĐ-CP hiện có tại đơn vị.

4.2. Đối với các đơn vị thành lập mới:

Chỉ được hợp đồng tối đa 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ từ nguồn ngân sách nhà nước.

II. MẪU BIỂU LẬP KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ

Biểu mẫu xây dựng kế hoạch biên chế năm học 2023 – 2024 được gửi vào hộp thư công vụ của đơn vị.

Căn cứ định mức biên chế và định mức lao động hợp đồng, các đơn vị xây dựng kế hoạch biên chế năm học 2023 - 2024 theo các mẫu biểu và số lượng như sau:

1. Trường mầm non (gồm mầm non, mẫu giáo)

- Mẫu số 1a.
- Mẫu số 1b.
- Mẫu số 1c.

2. Trường tiểu học

- Mẫu số 2a.
- Mẫu số 2b.
- Mẫu số 2c.

3. Trường trung học cơ sở

- Mẫu số 3a.
- Mẫu số 3b.
- Mẫu số 3c.

III. HÌNH THỨC NỘP VÀ THỰC HIỆN:

Các đơn vị gửi mail file kế hoạch biên chế năm học 2023-2024 của trường trước để Phòng GDĐT tổng hợp duyệt với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương. Sau khi được Sở GDĐT tỉnh Bình Dương duyệt biên chế Phòng GDĐT Thuận An sẽ phân bổ và duyệt biên chế cho các đơn vị. Trên cơ sở đó các đơn vị thực hiện lại mẫu của đơn vị và in ra nộp về Phòng GDĐT thành phố Thuận An **07 bản**.

IV. CÁCH GHI MẪU BIỂU

a) Phần “Lao động có đến cuối năm học 2022-2023” (từ cột 3 đến cột 7) của các mẫu biểu 1b; 2b; 3b sẽ ghi biên chế hiện có của tất cả lao động tại đơn vị tính đến thời điểm 01/03/2023, trong đó:

- Đối với các chức danh như cán bộ quản lý, giáo viên, giám thị, phụ trách phòng bộ môn, phụ trách thông tin dữ liệu, kế toán, y tế, văn thư, thủ quỹ: Nếu được tuyển dụng vào biên chế chính thức hoặc hợp đồng dài hạn thì thống kê vào cột số 4; nếu tuyển dụng là hợp đồng ngắn hạn thì thống kê vào cột số 5.

- Đối với các chức danh hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Nếu hợp đồng ngắn hạn thì thống kê vào cột số 6, hợp đồng dài hạn thì thống kê vào cột số 7.

b) Phần “Lao động cần có cho năm học 2023-2024” (từ cột 8 đến cột 10) của các mẫu biểu 1b; 2b; 3b sẽ ghi nhu cầu biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cần có cho năm học mới, trong đó:

- Cột 9 (biên chế): Ghi số lượng tất cả các chức danh cần có (Trừ chức danh theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)

- Cột 10 (hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP): Ghi số lượng lao động cần có thuộc các chức danh hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

V. THỜI HẠN GỬI KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ

Các đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch biên chế, báo cáo tình hình sử dụng biên chế của đơn vị mình. Gửi **file excel** kế hoạch biên chế năm học 2023-2024 về Phòng Giáo dục và Đào tạo và **file word** các giải trình biên chế (nếu có) đến địa chỉ email **tochuccanbo@ta.sgdbinhduong.edu.vn** trước ngày **13/02/2023**.

Dự kiến năm học 2023-2024 trường Tiểu học An Phú 3 sẽ đi vào hoạt động do đó Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An giao Hiệu trưởng trường Tiểu học An Phú thực hiện xây dựng kế hoạch biên chế cho trường Tiểu học An Phú 3 và báo cáo về Phòng GDĐT theo hướng dẫn trên.

VI. MỘT SỐ LƯU Ý

Hiệu trưởng các đơn vị phải dự báo số lượng học sinh trong năm học 2023-2024 sát với tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch biên chế theo Công văn số 2837/SGDDĐT-TCCB ngày 18/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc rà soát, chuẩn bị số liệu thực hiện xây dựng kế hoạch biên chế năm học mới. Số liệu trong các biểu mẫu phải đầy đủ, chính xác. Việc bố trí sĩ số học sinh trên lớp phải thực hiện theo quy định hiện hành. (Phòng GDĐT cùng Sở GDĐT sẽ xem xét, quyết định sĩ số học sinh/ lớp theo từng đơn vị cụ thể)

Vì tính chất quan trọng của việc xác định biên chế đáp ứng yêu cầu năm học mới, Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Hiệu trưởng các đơn vị thực hiện các nội dung hướng dẫn và gửi kế hoạch biên chế đúng thời gian quy định. Nếu đơn vị nào gửi kế hoạch biên chế không đúng thời gian quy định thì Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ không xét duyệt biên chế của đơn vị đó đồng thời Hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm về việc xây dựng kế hoạch biên chế của đơn vị, của ngành.

Công văn này thay thế các Công văn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An trước đây đã hướng dẫn xây dựng kế hoạch biên chế năm học.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện xây dựng kế hoạch biên chế năm học 2023-2024 đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo để kịp thời giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo PGDĐT;
- Lưu: VT, TCCB, H.60.



Võ Anh Tuấn

KHAI BÁO THÔNG TIN NĂM HỌC 2023-2024

Tên đơn vị
.....
Địa chỉ xã, phường của trường trú đóng
.....
Họ và tên Hiệu trưởng
.....
Họ và tên người lập báo cáo
.....
Số phòng học
.....
Số phòng vi tính

HƯỚNG DẪN TÍNH SỐ GIÁO VIÊN CÁC MÔN TIỂU HỌC

(Số tiết của môn học theo quyết định số 16/2006/QĐ/BGD&ĐT ngày 05/05/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Buổi thứ nhất:

Lớp	Theo quyết định số 16/2006/QĐ/BGD&ĐT ngày 05/05/2006 của Bộ GDĐT										Theo tỉnh		Cộng	
	TN Toán -XH	TN KH	Thủ công	Kỹ thuật	Tiếng Việt	Đạo đức	Sử- Địa	HD TT	Nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	Anh		Tin học
1	4	1	1		10	1		2	1	1	1	2		24
2	5	1	1		9	1		2	1	1	2	2		25
3	5	2	1		8	1		2	1	1	2	4	2	29
4	5			2	8	1	2	2	1	1	2	4	2	31
5	5		2		8	1	2	2	1	1	2	4	2	31
Cộng	24	4	4	3	43	5	4	10	5	5	9	16	6	41

Buổi thứ hai

(áp dụng cho trường học 2 buổi/ngày, trường có lớp bán trú):

NHU CẦU GIÁO VIÊN TÍNH THEO ĐỊNH MỨC SAU (GV/LỚP):

Lớp	Theo công văn 7053/BGD&ĐT-GDTH ngày 12/08/2005 của Bộ GDĐT										Cộng
	Ôn luyện	Phụ đạo	HD NG LL	Nhạc	Mỹ thuật	Thể dục					
1	5	4	2	2	2	2					17
2	5	4	2	2	2	2					17
3	3	4	2	2	2	2					15
4	3	4	2	2	2	2					15
5	3	4	2	2	2	2					15
Cộng	19	20	10	10	10	10					79

Khối lớp	GV Dạy lớp	GV Nhạc	GV Mỹ thuật	GV Thể dục	GV Tiếng Anh
	Một buổi	1.00	0.05	0.05	0.10
Hai buổi	1.14	0.06	0.06	0.11	0.13

**BÁO CÁO QUI MÔ TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH
TRƯỜNG MẦM NON (NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO) NĂM HỌC 2023-2024**

NĂM HỌC	Đạt chuẩn QG	Nhóm trẻ						Mẫu giáo											
		Số nhóm trẻ			Số cháu nhóm trẻ			Số lớp			Số cháu								
		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Chia ra	Tổng số	Trong đó	Chia ra	Tổng số	Trong đó	Chia ra							
3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	Tổng số	01 buổi/ngày	02 buổi/ngày	Lớp 3-4 tuổi	Lớp 4-5 tuổi	Lớp 5-6 tuổi	Tổng số	01 buổi/ngày	02 buổi/ngày	Lớp 3-4 tuổi	Lớp 4-5 tuổi	Lớp 5-6 tuổi		
1	2	3	4	5	6	7	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
NH 2022-2023		0				0	0						0						
NH 2023-2024		0				0	0						0						
Sơ với năm học trước:																			
* Tăng																			
* Giảm																			

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm 2024:

HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ TRƯỜNG MẦM NON (NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO) NĂM HỌC 2023-2024

S	T	T	Lao động có đến cuối năm học 2022-2023				Lao động cần có cho năm học 2023-2024			Phân tích lao động cần bổ sung				Số lao động thừa						
			Tổng số	Biên chế	HD một năm	Hợp đồng ND 68/2000	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng ND 68/2000	Tổng số	Biên chế	Trong đó	HD một năm	Hợp đồng ND 68/2000	Tổng số	Trong đó	HD một năm	Hợp đồng ND 68/2000		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Cán bộ quản lý, phục vụ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Hiệu trưởng																			
	- Phó Hiệu trưởng																			
	- Kế toán																			
	- Nhân viên văn thư																			
	- Thủ kho, thủ quỹ																			
	- Nhân viên Y tế																			
	- Nhân viên nấu ăn																			
	- Nhân viên phục vụ																			
	- Nhân viên bảo vệ																			
2	Giáo viên:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Cô nuôi dạy trẻ																			
	- Giáo viên Mẫu giáo																			
	Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

PHÒNG GDĐT THÀNH PHỐ THUẬN AN

Mẫu 1c

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ TRƯỜNG MẦM NON (NHÀ TRÉ, MẪU GIÁO) NĂM HỌC 2023-2024

STT	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	BC GIAO NĂM 2022-2023			BIÊN CHẾ CÓ MẶT ĐẾN 01/03/2023			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023-2024		
				Tổng số	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
01	UBND thành phố Thuận An	Phòng GDĐT thành phố Thuận An	NSNN	0			-			0		

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm 2

HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

**BÁO CÁO QUI MÔ TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2023-2024**

NĂM HỌC	Đạt chuẩn	Hạng trường	Số lớp					Trong đó số lớp học					Số học sinh					Bình quân HS/lớp	Bản trú/ 2 buổi		01 buổi		Phòng bộ môn				
			Tổng số	Chia ra				Nhạc	Họa	Anh văn	Tin học	Thể dục	Tổng số	Chia ra					Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Nghe nhìn	Vi tính			
				1	2	3	4							5	1	2	3								4	5	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
NH 2022-2023		3	0	0										0						0							
NH 2023-2024		3	0	0										0						0							
Sơ với năm học trước:																											
* Tăng																											
* Giảm																											

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ TRƯỞNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2023-2024

STT	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	BC GIAO NĂM 2022-2023			BIÊN CHẾ CÓ MẶT ĐẾN 01/03/2023			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023-2024		
				Tổng số	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
01	UBND thành phố Thuận An	Phòng GDĐT thành phố Thuận An	NSNN	0			0			0		

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm
HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

**BÁO CÁO QUI MÔ TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2023-2024**

NĂM HỌC	Đạt chuẩn	Hạng trường	Số lớp						Số học sinh						Bình quân HS/lớp	Số phòng bộ môn										
			Tổng số			Chia ra			Tổng số			Chia ra				Lý	Hóa	Sinh	Nghe tính	Vi tính						
			4	5	6	7	8	9	2 buổi	1 buổi	11	12	13	14							15	16	17			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	2 buổi	1 buổi	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
NH 2022-2023		3	1	1							0	0							0							
NH 2023-2024		3	1	1							0	0							0							
Số với năm học trước:																										
* Tăng																										
* Giảm																										

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm
HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2023-2024

S	T	T	Lao động có đến cuối năm học 2022-2023						Lao động cần có cho năm học 2023-2024			Phân tích lao động cần bổ sung					Số lao động thừa			
			Tổng số	Biên chế	HD một năm	Hợp đồng ND 68/2000		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng ND 68/2000	Lao động bổ sung mới		Lao động tái hợp đồng	Biên chế		HD một năm	Hợp đồng ND 68/2000			
						HD 1 năm	Dài hạn				Tổng số	Biên chế		Tổng số	Trong đó Hưu					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Cán bộ quản lý, phục vụ																			
2	Phòng bộ môn																			
3	Giáo viên:																			

S T T	ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN	Lao động có đến cuối năm học 2022-2023				Lao động cần có cho năm học 2023-2024			Phân tích lao động cần bổ sung				Số lao động thừa			
		Tổng số	Biên chế	HD một năm	Hợp đồng NĐ 68/2000	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/2000	Lao động bổ sung mới		Lao động tái hợp đồng	Tổng số	Biên chế		HD một năm	Hợp đồng NĐ 68/2000
									Tổng số	Biên chế			Tổng số	Trong đó Hưu		
	- Toán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kỹ thuật CN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kỹ thuật NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kỹ thuật PV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Văn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Sử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Địa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- GDCD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Thể dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nhạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Họa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Anh văn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Tin học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Tiếng Nhật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm 202

HIỆU TRƯỞNG

.....

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ THUẬN AN

Mẫu 3c

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ TRƯỞNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2023-2024

STT	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	BC GIAO NĂM 2022-2023			BIÊN CHẾ CÓ MẶT ĐẾN 01/03/2023			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023-2024		
				Tổng số	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
01	UBND thành phố Thuận An	Phòng GD&ĐT thành phố Thuận An	NSNN	0			0			0		

Người lập bảng

....., ngày 13 tháng 1 năm 2
HIỆU TRƯỞNG

.....